

Thực hiện công bằng trong phân phối tư liệu sản xuất ở Việt Nam

Bùi Thị Phương Thùy*

Tóm tắt: Công bằng trong phân phối tư liệu sản xuất là một hình thức biểu hiện cụ thể của công bằng xã hội về kinh tế. Trong thời kỳ đổi mới, Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn quan tâm thực hiện công bằng trong phân phối tư liệu sản xuất. Tuy nhiên, trên thực tế trong phân phối tư liệu sản xuất vẫn còn nhiều bất công. Nhà nước chưa tạo được đầy đủ môi trường bình đẳng giữa các chủ thể kinh tế, vẫn còn phân biệt đối xử giữa khu vực kinh tế nhà nước với khu vực kinh tế tư nhân. Khu vực kinh tế nhà nước vẫn được hưởng nhiều đặc quyền, đặc lợi, ưu đãi so với khu vực kinh tế tư nhân trong tiếp cận nguồn lực của Nhà nước. Sự đầu tư của Nhà nước vẫn còn tràn lan, kém hiệu quả. Nguyên nhân chủ yếu của tình trạng này là cơ chế phân phối cũ (bình quân, xin - cho) vẫn còn tồn tại; bộ máy quản lý kém hiệu quả; pháp luật còn nhiều bất cập.

Từ khóa: Công bằng xã hội; tư liệu sản xuất; nguồn lực; phân phối; đầu tư.

1. Mở đầu

Phân phối là một khâu của quá trình sản xuất (sản xuất - phân phối - trao đổi - tiêu dùng); là một mặt quan trọng của quan hệ sản xuất; có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả của tái sản xuất. Thực hiện công bằng trong phân phối là động lực cho sự phát triển đất nước. Phân phối bao gồm việc phân phối các yếu tố đầu vào của sản xuất (tư liệu sản xuất) và sản phẩm đầu ra (tư liệu tiêu dùng). Khi nói đến thực hiện công bằng xã hội trong phân phối, thì cần nói đến cả công bằng trong phân phối tư liệu tiêu dùng và công bằng trong phân phối tư liệu sản xuất. Chủ thể phân phối tư liệu sản xuất nói ở đây là Nhà nước. Phân phối tư liệu sản xuất là hoạt động của Nhà nước trong việc phân bổ, đầu tư nguồn lực (vật lực và nhân lực) cho các địa phương, đơn vị trong và ngoài Nhà nước để tiến hành sản xuất. Phân phối tư liệu sản xuất cần phải công

bằng. Vậy ở nước ta công bằng xã hội trong phân phối tư liệu sản xuất đã được thực hiện như thế nào? Bài viết này phân tích thành tựu và hạn chế của việc thực hiện công bằng trong phân phối tư liệu sản xuất ở Việt Nam hiện nay và nguyên nhân của những hạn chế đó.

2. Thực hiện công bằng trong phân phối tư liệu sản xuất thời kỳ trước đổi mới

Trong thời kỳ trước đổi mới, với quan điểm cho rằng chế độ tư hữu là nguồn gốc của sự bóc lột, của tình trạng bất công và bất bình đẳng xã hội, Đảng và Nhà nước ta chủ trương xóa bỏ chế độ tư hữu, thực hiện một nền kinh tế tập trung. Lúc này sở hữu về tư liệu sản xuất có hai hình thức cơ bản là sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể. Tư liệu sản xuất của xã hội được tập trung chủ

(*) Thạc sĩ, Viện Triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. ĐT: 0986308664. Email: thuybuivientriet@gmail.com

yếu cho hai khu vực kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể. Tư liệu sản xuất được phân phối thường mang tính hiện vật (nguồn vật tư, máy móc, cơ sở vật chất). Chẳng hạn, trong khu vực kinh tế tập thể, mọi tư liệu sản xuất (từ cái cày, cái bừa, con trâu đến ruộng đất) đều là tài sản của tập thể. Tuy nhiên, toàn bộ tài sản đó trên thực tế đã trở thành vô chủ. Quy mô của hợp tác xã càng lớn, thì tính vô chủ đối với tư liệu sản xuất càng cao. Tình trạng này cũng diễn ra tương tự đối với loại hình kinh tế quốc doanh. Nhà nước giao vật tư, máy móc cho địa phương và đơn vị nhưng không có ràng buộc trách nhiệm cụ thể về lợi ích vật chất đối với việc sử dụng tư liệu sản xuất (tiền vốn, vật tư, máy móc...). Đây chính là một trong những nguyên nhân gây ra tình trạng lãng phí, tham ô. Từ đó, việc sử dụng tư liệu sản xuất kém hiệu quả, nhiều nguồn lực không được khai thác, nhiều tiềm năng không được phát huy, “các xí nghiệp nói chung chỉ sử dụng được khoảng một nửa công suất thiết kế”, “tài nguyên của đất chưa được khai thác tốt, lại bị sử dụng lãng phí, nhất là đất nông nghiệp và tài nguyên rừng” [1, 6(1987), tr.17]. Hơn nữa, với mong muốn sớm xóa bỏ khoảng cách giàu nghèo giữa các vùng miền (nông thôn - thành thị, đồng bằng - miền núi) nhà nước đã đầu tư dàn trải có tính bình quân cho các địa phương và đơn vị trong khi điều kiện của các địa phương và đơn vị lại khác nhau. Điều này khiến cho việc đầu tư không hiệu quả, gây lãng phí nguồn vốn của đất nước; từ đó kinh tế sa sút, đời sống nhân dân ngày càng khó khăn. Mặt khác, trong hoàn cảnh đất nước bị chiến tranh tàn phá nặng nề, cơ sở hạ tầng yếu kém, nguồn vốn phụ thuộc nhiều vào các khoản trợ giúp và đi vay. Tuy nhiên, Nhà nước chưa “phân phối

đúng các nguồn vốn, vật tư, hàng hóa trong tay. Các khoản chi của ngân sách mang nặng tính bao cấp và trong một thời gian dài vượt quá nguồn thu. Việc sử dụng các nguồn vốn vay và viện trợ kém hiệu quả” [1, 6(1987), tr.25].

3. Thành tựu của việc thực hiện công bằng trong phân phối tư liệu sản xuất thời kỳ đổi mới

Từ sau đổi mới đến nay với phương châm nhìn thẳng vào sự thật, Đại hội Đảng lần thứ VI quyết định chuyển nền kinh tế tập trung, bao cấp, dựa trên chế độ công hữu chủ yếu về tư liệu sản xuất (dưới hai hình thức quốc doanh và tập thể) sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, ở đó mọi thành phần kinh tế đều bình đẳng trong việc tiếp cận tư liệu sản xuất của Nhà nước. Các tư liệu sản xuất thuộc quyền sở hữu của toàn dân (như tài nguyên, đất đai, tài sản công, nguồn vốn, công nghệ, ngân sách...) do Nhà nước đại diện quản lý và phân phối; còn đối tượng được phân phối là những chủ thể kinh tế - xã hội (các thành phần kinh tế, các ngành kinh tế, các vùng, miền các đơn vị sản xuất trong và ngoài Nhà nước). Nhà nước với chức năng điều tiết về cơ bản đã phân phối tư liệu sản xuất một cách công bằng các tư liệu sản xuất thuộc quyền sở hữu của toàn dân.

Vấn đề về công bằng trong phân phối tư liệu sản xuất lần đầu tiên được nêu lên trong Văn kiện Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII: “công bằng xã hội thể hiện cả ở khâu phân phối hợp lý tư liệu sản xuất, lẫn khâu phân phối kết quả sản xuất” [2, tr.47]. Đại hội Đảng lần thứ IX đã

chỉ ra căn cứ để thực hiện phân phối công bằng tư liệu sản xuất ở nước ta là sự thống nhất giữa hiệu quả kinh tế và hiệu quả xã hội: “Nhà nước đầu tư vốn phát triển từ ngân sách nhà nước căn cứ vào hiệu quả kinh tế - xã hội” [1, 9(2001), tr.103]. Đại hội Đảng lần thứ XI đã bổ sung, làm rõ hơn: “Đất đai, tài nguyên, vốn, tài sản do nhà nước đại diện chủ sở hữu được giao cho các chủ thể thuộc mọi thành phần kinh tế sử dụng theo nguyên tắc hiệu quả. Các chủ thể có quyền và nghĩa vụ như nhau trong việc sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của nhà nước” [1, 11(2011), tr.207], “các nguồn lực được phân bổ theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội” [1, 11(2011), tr.74]. Đại hội Đảng lần thứ XII đã bổ sung thêm một quan điểm hoàn toàn mới khi khẳng định vai trò của thị trường trong phân phối tư liệu sản xuất: “thị trường đóng vai trò chủ yếu trong huy động và phân bổ có hiệu quả các nguồn lực phát triển”, “các nguồn lực nhà nước được phân bổ theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phù hợp với cơ chế thị trường” [1, 12(2016), tr.26 - 27].

Thực hiện phân phối công bằng tư liệu sản xuất có nghĩa là phân bổ tư liệu sản xuất chủ yếu do Nhà nước quản lý cho mọi chủ thể kinh tế trong xã hội dựa trên hiệu quả sử dụng và mức đóng góp cho xã hội. Hiệu quả ở đây được hiểu là sự thống nhất giữa hiệu quả kinh tế và hiệu quả xã hội. Hiệu quả xã hội là tất cả những đóng góp phi vật chất cho xã hội (tạo công ăn việc làm, xóa đói, giảm nghèo, thực hiện an sinh xã hội, bảo vệ môi trường...). Phân phối tư liệu sản xuất dựa trên hiệu quả kinh tế - xã hội là công bằng vì căn cứ cả vào hiệu quả kinh tế và hiệu quả xã hội. Điều đó có

nghĩa, ai sử dụng tư liệu sản xuất có hiệu quả hơn và đóng góp cho xã hội nhiều hơn, người đó sẽ được phân phối nhiều tư liệu sản xuất hơn. Các chủ thể có xuất phát điểm bất lợi hơn thì cần phải có sự ưu đãi. Nhưng sự ưu đãi đó cũng phải công bằng giữa các chủ thể cùng có xuất phát điểm bất lợi như nhau. Nhà nước phải thực hiện điều phối các nguồn lực một cách hợp lý (công bằng) để những khu vực ít có điều kiện thuận lợi vẫn có thể có được cơ hội phát triển, khắc phục và ngăn chặn nguy cơ tụt hậu tại các khu vực đó, đảm bảo cho mọi khu vực đều được hưởng thụ những cơ hội cũng như thành quả của sự phát triển chung. Việc phân phối tư liệu sản xuất công bằng sẽ làm cho các chủ thể kinh tế phải không ngừng nâng cao hiệu quả sử dụng những tư liệu sản xuất được phân phối để vừa đóng góp vào sự phát triển của xã hội, vừa được hưởng thành quả tương xứng. Việc phân phối tư liệu sản xuất ngày càng giảm dần tính bình quân, cào bằng, điều đó giúp các chủ thể kinh tế có cơ hội tiếp cận bình đẳng hơn với các nguồn lực để phát triển. Từ đó, quy mô của nền kinh tế không ngừng được mở rộng, đời sống nhân dân được cải thiện. Nhìn chung trong thời kỳ đổi mới Đảng và Nhà nước đã phân phối tư liệu sản xuất công bằng. Điều đó thể hiện trên một số điểm sau.

Thứ nhất, đã phân định rõ quyền của người sở hữu, quyền của người sử dụng tư liệu sản xuất và quyền quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh. Tháng 8 năm 1987, Hội nghị Trung ương lần thứ 3 đã ra Nghị quyết về đổi mới cơ chế quản lý kinh tế với nội dung chủ yếu là thực hiện chế độ tự chủ kinh doanh của các xí nghiệp quốc doanh và đổi mới quản lý

nhà nước về kinh tế. Từ đó đến nay, rất nhiều văn bản, quy định của Nhà nước liên quan đến vấn đề này được ban hành để phù hợp với tình hình thực tế của đất nước. Theo tinh thần các văn bản trên, các Bộ đã dần giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các đơn vị sản xuất kinh doanh trong việc quản lý vốn, tài sản của đơn vị. Điều này buộc các đơn vị phải có trách nhiệm bảo quản, sử dụng tư liệu sản xuất được giao.

Trong sản xuất nông nghiệp, với Luật Đất đai (năm 1993, 2003, 2013) và các văn bản pháp luật có liên quan, người sử dụng đất có khá nhiều quyền: quyền sử dụng, quyền chuyển đổi, quyền chuyển nhượng, quyền thế chấp, quyền thừa kế, quyền góp vốn liên doanh, quyền được bồi thường, quyền cải tạo, bồi bổ đất đai để khai thác có hiệu quả cho cuộc sống... Về cơ bản, người dân đã có gần hết quyền của chủ sở hữu. Việc phân định rõ các loại quyền đó nhằm làm cho mọi tư liệu sản xuất đều có người làm chủ. Chủ thể được phân phối tư liệu sản xuất cũng đồng thời được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc sử dụng tư liệu sản xuất. Việc gắn quyền sở hữu với quyền sử dụng đã gắn bó người sản xuất với tư liệu sản xuất, buộc mỗi người phải suy nghĩ, tính toán, chủ động sáng tạo để sử dụng tư liệu sản xuất với hiệu quả cao nhất.

Thứ hai, tư liệu sản xuất được phân phối ngày càng công bằng giữa các vùng, miền, giữa các dân tộc, tầng lớp nhân dân. Sau khi đất nước bước vào công cuộc đổi mới, nền kinh tế tuy có khởi sắc nhưng trình độ phát triển vẫn còn nhiều hạn chế. Trong khi đó, nguồn vốn có hạn, nếu đầu tư dàn trải thì sẽ không đem lại hiệu quả kinh tế cũng như hiệu quả xã hội. Vì vậy, việc đầu tư cần phải có trọng tâm, trọng điểm. Nhà nước đã

tập trung các nguồn lực của mình để xây dựng và phát triển các vùng kinh tế trọng điểm. Các vùng trọng điểm đó có tác dụng thúc đẩy nền kinh tế cả nước phát triển, tạo cơ hội đi lên cho các vùng khác. Các vùng kinh tế trọng điểm phát triển với nhịp độ nhanh đã có đóng góp đáng kể vào sự tăng trưởng kinh tế chung của đất nước.

Thực hiện công bằng phân phối tư liệu sản xuất còn là thực hiện phân phối nguồn lực một cách hợp lý để các khu vực có ít điều kiện thuận lợi có cơ hội phát triển tốt hơn, khắc phục tình trạng tụt hậu, đảm bảo mọi khu vực, mọi người đều được hưởng thụ các thành quả của sự phát triển chung. Vì thế, bên cạnh việc đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, Nhà nước ta cũng dành nguồn lực nhất định để phát triển các vùng khác trên cơ sở phát huy thế mạnh của từng vùng, nhất là các vùng khó khăn, thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển giữa các vùng. Ví dụ, Nhà nước chọn địa điểm xây dựng nhà máy lọc dầu tại Dung Quất vì căn cứ cả vào hiệu quả xã hội (để thu hẹp khoảng cách phát triển của các tỉnh Trung Trung Bộ với các vùng khác, mặc dù về hiệu quả kinh tế xây dựng nhà máy tại Dung Quất không có hiệu quả kinh tế cao so với xây dựng nhà máy tại Vũng Tàu). Ví dụ khác, để hỗ trợ các vùng khó khăn vươn lên thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế giữa các vùng, Chính phủ đã phê duyệt và chỉ đạo thực hiện các chính sách, chương trình như: Quyết định 755/QĐ-TTg về việc phê duyệt Chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn; Quyết định 54/QĐ-TTg về việc Ban hành

chính sách cho vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn giai đoạn 2012 - 2015; Chương trình Hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi; các mô hình thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; Chương trình hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc chương trình dự án 135; các công trình lớn như đường Hồ Chí Minh, trồng 5 triệu ha rừng, các chương trình thủy lợi, giao thông nông thôn...

Sự điều tiết phân phối công bằng (hợp lý) tư liệu sản xuất trong những năm qua đã góp phần thúc đẩy sản xuất, phát triển kinh tế, nâng cao đời sống của người dân, đặc biệt vùng nông thôn, miền núi. Kết cấu hạ tầng được nâng cấp và xây dựng mới, thị trường hàng hóa được hình thành thay thế dần nền kinh tế tự cung tự cấp, các dịch vụ xã hội thiết yếu như y tế, giáo dục, nước sạch, vệ sinh môi trường đã được cải thiện. Thực hiện công bằng trong phân phối tư liệu sản xuất còn góp phần quan trọng trong việc ổn định xã hội bởi nó tạo ra sự hài hòa lợi ích giữa các chủ thể kinh tế, các nhóm xã hội, từ đó tạo dựng được lòng tin của các chủ thể kinh tế vào nhà nước và chế độ, tạo dựng sự ổn định xã hội.

4. Những hạn chế của việc thực hiện công bằng trong phân phối tư liệu sản xuất ở Việt Nam hiện nay

Trong các Văn kiện của Đảng thời kỳ đổi mới gần đây đều khẳng định, các chủ thể kinh tế có quyền ngang nhau trong việc được phép tiếp cận các nguồn lực phát triển. Nhưng trên thực tế, chưa có môi

trường bình đẳng hoàn toàn giữa các chủ thể kinh tế trong việc tiếp cận các nguồn lực, vẫn còn phân biệt đối xử giữa khu vực kinh tế nhà nước với khu vực kinh tế tư nhân. Khu vực kinh tế nhà nước vẫn được hưởng nhiều đặc quyền, đặc lợi, ưu tiên, ưu đãi so với các khu vực kinh tế tư nhân trong tiếp cận nguồn lực của Nhà nước. Doanh nghiệp nhà nước được cấp đất kinh doanh, hoặc nếu phải thuê thì với mức giá ưu đãi (so với giá trị thị trường), sau đó được sử dụng đất thuê để thế chấp vay vốn ngân hàng, trong khi các doanh nghiệp ngoài nhà nước không được hưởng ưu đãi này. Trong tiếp cận nguồn vốn tiền tệ cũng diễn ra tương tự. Vốn là một trong những lĩnh vực quan trọng hàng đầu đối với sản xuất. Trong những năm qua, Việt Nam đã thực hiện hướng ưu tiên phân phối nguồn lực cho các doanh nghiệp, ngành, dự án sử dụng nhiều vốn, đặc biệt là doanh nghiệp nhà nước. Các doanh nghiệp nhà nước được ưu tiên tiếp cận tín dụng và ngoại tệ khan hiếm với giá thấp hơn giá thị trường. Năm 2014, Chính phủ ban hành 20 văn bản cho phép ngân hàng được cung cấp tín dụng vượt giới hạn cho các doanh nghiệp nhà nước như Tập đoàn Dầu khí, Tập đoàn Than - Khoáng sản, Tập đoàn Điện lực, Vietnam Airlines... Bên cạnh đó, doanh nghiệp nhà nước có giới hạn ngân sách mềm, nghĩa là Nhà nước cứu trợ các doanh nghiệp nhà nước khi các doanh nghiệp nhà nước gặp khó khăn về tài chính. Với những ưu đãi như vậy, doanh nghiệp nhà nước mặc dù hoạt động kém hiệu quả vẫn có lợi thế hơn hẳn và có thể lấn át doanh nghiệp tư nhân, thậm chí dù doanh nghiệp nhà nước hoạt động kém hiệu quả nhưng lương của người quản lý vẫn rất cao. Nguồn lực mà Nhà nước sử dụng để ưu đãi là tài sản

chung của toàn dân. Việc Nhà nước ưu đãi các doanh nghiệp nhà nước gặp khó khăn mà không ưu đãi cho các doanh nghiệp tư nhân tương tự gặp khó khăn là việc làm không công bằng.

Sự đầu tư của Nhà nước vẫn còn tràn lan, kém hiệu quả. Trong bối cảnh nguồn vốn có hạn, việc phân bổ và sử dụng vốn đầu tư của quốc gia một cách hiệu quả là yêu cầu sống còn trong quản lý kinh tế tại Việt Nam hiện nay. Trên thực tế, việc phân bổ nguồn lực vẫn còn tràn lan; từ đó hiệu quả của sự đầu tư thấp. Có thể lấy ví dụ trong lĩnh vực đầu tư công. Hiện nay, các địa phương đều thi nhau xây dựng cơ sở hạ tầng mà không căn cứ vào tình hình thực tế, nhu cầu của địa phương. Sự đầu tư dàn trải dẫn đến chỗ, một cục vốn bị chẻ ra rất nhỏ, không dự án nào hoàn thành một cách có chất lượng. Có những dự án cần thiết nhưng thiếu vốn nên chậm tiến độ hoặc thực hiện giữa chừng phải dừng, trong khi đó, có những dự án có thể đủ vốn, nhưng xây xong không biết để dùng cho ai. Rất nhiều dự án về xây bảo tàng, tượng đài, trụ sở nhưng lại không xuất phát từ nhu cầu phát triển thiết thực. Hay trong lĩnh vực khoa học công nghệ, có nhiều đơn vị được Nhà nước cấp kinh phí nghiên cứu những đề tài tương tự nhau song độc lập không có sự liên kết với nhau. Từ đó tạo ra những kết quả tương đối giống nhau nhưng không ứng dụng được hoặc nửa vời vì nguồn ngân sách hạn chế. Các doanh nghiệp nhà nước được ưu đãi về nguồn lực nhưng hiệu quả đầu tư còn chưa tương xứng. Trong giai đoạn 2006 - 2010 doanh nghiệp nhà nước chiếm 44,7% tổng vốn đầu tư nhưng chỉ tạo ra 27,8% GDP, doanh nghiệp dân doanh 27,5% tổng vốn

đầu tư nhưng tạo ra 41,6% GDP. Chất lượng tăng trưởng kinh tế ở các doanh nghiệp nhà nước thấp chủ yếu tăng trưởng theo chiều rộng, dựa vào yếu tố vốn là chủ yếu, không tạo ra được nhiều việc làm mới. Trong giai đoạn 2006 - 2010 doanh nghiệp nhà nước gần như không tạo ra việc làm mới, doanh nghiệp dân doanh tạo ra 84,8% việc làm mới. Một điểm đáng lưu ý ở đây là, gần 50% đóng góp vào GDP của khu vực này là từ khai thác tài nguyên quốc gia (dầu khí, than, khoáng sản...) [8, tr.135]. Theo Đề án “Tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước” của Bộ Tài chính năm 2012, mức lỗ bình quân của một doanh nghiệp nhà nước cao gấp 12 lần so với doanh nghiệp ngoài nhà nước; và có đến 30/85 tập đoàn và tổng công ty có tỷ lệ nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu cao hơn 3 lần, đặc biệt có 7 tập đoàn, tổng công ty có tỷ lệ này trên 10 lần. Sau 5 năm thực hiện Đề án “Tái cơ cấu doanh nghiệp, trọng tâm là tập đoàn, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2011 - 2015” được Thủ tướng chính phủ ký ban hành ngày 17 tháng 7 năm 2012, tính đến ngày 25/12/2015 cả nước cổ phần hóa đạt 93% kế hoạch. Tuy nhiên, tái cơ cấu chưa làm thay đổi quy mô, phạm vi của doanh nghiệp nhà nước trong nền kinh tế cũng như phân bổ lại nguồn lực giữa doanh nghiệp nhà nước với doanh nghiệp khác. Các doanh nghiệp vẫn liên tục báo lỗ hoặc lãi rất ít. Tính đến hết năm tài chính 2014, Bộ Tài chính cho biết, nhiều đơn vị những năm trước đây lỗ rất nhiều, thì nhờ hoạt động tái cơ cấu, năm 2014 đã hoạt động có hiệu quả và bù đắp được lỗ lũy kế của các năm trước. Mặc dù vậy, số tiền lãi của một vài doanh nghiệp còn quá nhỏ nhoi so với số lỗ của các doanh nghiệp

trong năm 2014. Cụ thể, chỉ tính riêng lỗ phát sinh của 10 tập đoàn, tổng công ty trong năm 2014 đã là 4.901 tỷ đồng; còn lỗ lũy kế của 19 tập đoàn, tổng công ty tính đến đầu năm 2015 lên tới con số 24.451 tỷ đồng. Trong khi đó, tổng số nợ phải trả của các tập đoàn, tổng công ty đã lên tới 1.567.000 tỉ đồng, tăng 8% so với năm 2013. Việc phân phối nguồn lực của Nhà nước một cách hiệu quả là hết sức cần thiết. Khối kinh tế tư nhân và khối kinh tế nhà nước phải được tiếp cận công bằng nguồn lực đó theo tiêu chí hiệu quả.

5. Nguyên nhân của hạn chế

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến hạn chế của việc thực hiện công bằng trong phân phối tư liệu sản xuất ở Việt Nam hiện nay, trong đó có hai nguyên nhân chủ yếu sau.

Thứ nhất, cơ chế phân phối cũ (bình quân, xin - cho) vẫn còn tồn tại. Chúng ta tiến hành đổi mới được 30 năm song đến nay chúng ta vẫn chịu ảnh hưởng không nhỏ của cơ chế cũ để lại. Việc phân phối tư liệu sản xuất cho các địa phương vẫn mang tính bình quân, dựa theo các tiêu chí về dân số, trình độ phát triển, diện tích tự nhiên, số đơn vị hành chính. Cơ chế phân phối xin - cho không theo hiệu quả dựa trên những nhu cầu phát triển khách quan. Người xin dự án thì cố gắng xin được bao nhiêu tốt bấy nhiêu; còn người cho thì không căn cứ vào nhu cầu phát triển thực sự của địa phương, mà tùy theo quan hệ tình cảm cá nhân chủ quan. Trên thực tế có vô số dự án được cấp vốn theo kiểu phân chia đồng đều để khỏi mất lòng ai. Trong khi đáng lẽ nguồn vốn ấy cần tập trung đầu tư để xử lý những nút thắt tăng trưởng, hay tạo ra bùng

nổ tăng trưởng ở điểm nào đó để tạo ra lan tỏa. Kết quả, hiệu quả tổng thể lẫn hiệu quả dự án cụ thể đều thấp.

Thứ hai, bộ máy quản lý kém hiệu quả; pháp luật còn nhiều bất cập. Nhà nước với tư cách là đại diện của xã hội cần phải phân phối các nguồn lực một cách công bằng. Trong thời gian qua, Đảng ta có nhiều nghị quyết về cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước. Song, năng lực quản lý điều hành của Nhà nước chưa ngang tầm với đòi hỏi của thời kỳ mới. Điều này dẫn đến hậu quả là: công tác lập quy hoạch, xây dựng kế hoạch phát triển chưa tốt, không phù hợp thực tiễn và thiếu tầm nhìn; chưa có những chỉ tiêu rõ ràng cụ thể để xác định thứ tự ưu tiên cho phân bổ nguồn lực đầu tư nhà nước. Trong khi đó chất lượng đội ngũ công chức chưa ngang tầm với yêu cầu của thời đại: kiến thức và năng lực quản lý về các mặt luật pháp, hành chính cũng như kỹ năng hành chính của công chức nhìn chung còn kém. Điều đáng lo ngại hơn nữa chính là sự suy thoái về đạo đức của một bộ phận không ít công chức. Không ít công chức lợi dụng chức quyền trong quá trình phân bổ nguồn lực với mục đích vụ lợi. Việc xây dựng và ban hành một số văn bản pháp luật (quy định, chế độ, chính sách) liên quan đến phân phối tư liệu sản xuất vừa chậm, vừa thiếu đồng bộ với chất lượng chưa cao. Quy trình xây dựng pháp luật còn thiếu tính dân chủ, minh bạch; cách phân công và thực hiện quy trình soạn thảo dễ dẫn đến tình trạng bảo vệ lợi ích cục bộ của ngành, địa phương, chưa thật sự vì lợi ích chung. Chưa có quy định rõ về các tiêu chí và cách đánh giá hiệu quả đầu tư và tác động của dự án

đầu tư. Chưa có văn bản pháp luật hữu hiệu để ngăn chặn, kiểm soát và đẩy lùi tình trạng đầu tư tùy tiện, dàn trải, không hiệu quả, lãng phí, thất thoát. Công tác kiểm tra và giám sát còn nhiều hạn chế. Sự phối hợp của các cơ quan chức năng thanh tra và kiểm toán còn lỏng lẻo, thiếu đồng bộ. Công tác xử lý hay cưỡng chế sai phạm, truy cứu trách nhiệm công vụ chưa thực sự kịp thời và đúng pháp luật. Đây chính là nguyên nhân gia tăng tình trạng tham nhũng, lãng phí. Chính sách tốt nhưng tổ chức thực hiện kém cũng sẽ vi phạm nguyên tắc công bằng xã hội. Nguyên tắc phân phối mà Đảng ta nêu ra trong điều kiện nước ta hiện nay được đánh giá là công bằng và hợp lý nhưng nguyên tắc này chưa được thực hiện tốt trong thực tế. Tuy là phân phối theo hiệu quả kinh tế - xã hội, nhưng thực tế có nơi chỉ chú ý đến hiệu quả kinh tế mà quên đi các hiệu quả xã hội, có nơi lại chỉ chú ý đến hiệu quả xã hội trong khi không quan tâm thỏa đáng đến hiệu quả kinh tế.

6. Kết luận

Phân phối tư liệu sản xuất của Nhà nước cần bảo đảm công bằng giữa các chủ thể kinh tế. Mặc dù Đảng và Nhà nước ta đã đưa ra nhiều chủ trương, chính sách đảm bảo thực hiện công bằng xã hội trong phân phối tư liệu sản xuất, nhưng do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan nên việc phân phối tư liệu sản xuất trên thực tế vẫn chưa thật sự công bằng. Điều đó dẫn đến chỗ việc sử dụng các nguồn lực của Nhà nước chưa có hiệu quả như mong muốn. Để thực hiện mục tiêu xây dựng một xã hội dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công

bằng, văn minh thì cần thực hiện công bằng trong phân phối cả tư liệu tiêu dùng và tư liệu sản xuất.

Tài liệu tham khảo

- [1] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc* lần thứ VI(1987), IX(2001), XI(2011), XII(2016) , Nxb Sự thật, Hà Nội.
- [2] Đảng Cộng sản Việt Nam (1994), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khoá VII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [3] Nguyễn Minh Hoàn (2009), *Công bằng xã hội trong tiến bộ xã hội*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [4] Nguyễn Văn Động (2014), “Sự phát triển nhận thức của Đảng về phát triển bền vững”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, số 1.
- [5] Trần Thị Hằng (2009), *Công bằng xã hội trong phân phối ở nước ta hiện nay*, Luận văn thạc sĩ Triết học, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [6] Lê Quốc Lý (2014), *Thành công và những bài học đắt giá của doanh nghiệp nhà nước*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [7] Nguyễn Trọng Phúc (2014), “Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất nhìn từ quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, số 2.
- [11] Vũ Thanh Sơn (2014), *Phân phối bình đẳng các nguồn lực kinh tế: Tiếp cận lý luận và thực tiễn ở một số quốc gia*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

